BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2023/TT-BTC	*Hà Nội, ngày tháng năm 2023*

DỰ THẢO
Ngày 08/6/2023

THÔNG TƯ
Quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số ...../2023/NĐ-CP ngày .... tháng .... năm 2023 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý công sản;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

Chương I
PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định chế độ quản lý, tính hao mòn đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là tài sản cố định (sau đây gọi là tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa) do Nhà nước đầu tư, quản lý giao cho cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quản lý theo quy định tại Nghị định số ...../2023/NĐ-CP ngày .... tháng .... năm 2023 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (sau đây gọi là Nghị định số ..../2023/NĐ-CP).

2. Thông tư này không điều chỉnh đối với:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa giao cho doanh nghiệp theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân quản lý.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do đối tượng khác (ngoài các trường hợp quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 1 Nghị định số ..../2023/NĐ-CP) quản lý.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước về giao thông đường thủy nội địa.

2. Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (sau đây gọi là cơ quan được giao quản lý tài sản); gồm:

a) Cơ quan được giao quản lý tài sản ở trung ương là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành về giao thông đường thủy nội địa thuộc Bộ Giao thông vận tải (sau đây gọi là cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở trung ương).

b) Cơ quan được giao quản lý tài sản ở địa phương là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về đường thủy nội địa (sau đây gọi là cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở địa phương).

3. Tổ chức thuê quyền khai thác, nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản và các phương thức chuyển giao quyền khai thác khác đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định.

4. Các đối tượng khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

Chương II
QUY ĐỊNH CHUNG VỀ QUẢN LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 3. Tiêu chuẩn nhận biết tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đủ tiêu chuẩn để ghi sổ kế toán là những tài sản có kết cấu độc lập hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định, thỏa mãn đồng thời cả 02 tiêu chuẩn dưới đây là tài sản cố định:

a) Có thời gian sử dụng từ 01 (một) năm trở lên.

b) Có nguyên giá từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) trở lên.

2. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là một hệ thống được giao cho nhiều cơ quan quản lý thì phần tài sản được giao cho từng cơ quan thỏa mãn đồng thời 02 tiêu chuẩn quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này là một tài sản cố định.

Điều 4. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (bao gồm cả vùng đất, vùng nước gắn với tài sản) ghi sổ kế toán gồm:

1. Đường thủy nội địa: Luồng chạy tàu thuyền; âu tàu; các công trình đưa phương tiện qua đập, thác trên sông, kênh, rạch hoặc luồng trên hồ, đầm, phá vụng, vịnh, ven bờ biển, ra đảo, nối các đảo thuộc nội thủy.

2. Hành lang bảo vệ luồng.

3. Cảng thủy nội địa.

4. Bến thủy nội địa.

5. Khu neo đậu ngoài cảng.

6. Kè, đập giao thông.

7. Báo hiệu đường thủy nội địa.

8. Các công trình phụ trợ khác theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa.

Điều 5. Nguyên tắc quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư này phải được lập hồ sơ tài sản để quản lý chặt chẽ về hiện vật và giá trị theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan. Các chỉ tiêu về giá trị (nguyên giá, hao mòn, giá trị còn lại) của tài sản là số nguyên; trường hợp kết quả xác định các chỉ tiêu này là số thập phân thì được làm tròn theo nguyên tắc cộng thêm 01 vào phần số nguyên.

2. Mỗi một tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư này là một đối tượng ghi sổ kế toán. Kế toán tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phải phản ánh, ghi chép đầy đủ thông tin về nguyên giá, hao mòn, giá trị còn lại của tài sản.

3. Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có trách nhiệm:

a) Lập thẻ tài sản, hạch toán kế toán đối với toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được giao quản lý theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.

b) Thực hiện kiểm kê tài sản định kỳ hàng năm; thực hiện điều chỉnh số liệu kế toán nếu có chênh lệch phát sinh khi thực hiện kiểm kê.

c) Thực hiện báo cáo kê khai, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại Điều 28 Nghị định số ...../2023/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa không còn nhu cầu sử dụng nhưng chưa tính đủ hao mòn theo quy định thì cơ quan được giao quản lý tài sản tiếp tục thực hiện quản lý, theo dõi, bảo quản tài sản theo quy định hiện hành và tính hao mòn theo quy định tại Thông tư này cho đến khi được xử lý theo quy định.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã tính đủ hao mòn nhưng vẫn tiếp tục sử dụng được thì cơ quan được giao quản lý tài sản tiếp tục thực hiện quản lý, sử dụng, theo dõi, bảo quản tài sản theo quy định hiện hành và không phải tính hao mòn.

Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã tính đủ hao mòn hoặc nhưng sau đó thuộc trường hợp thay đổi nguyên giá theo quy định tại Điều 7 Thông tư này thì phải tính hao mòn theo quy định cho thời gian sử dụng còn lại (nếu có) sau khi thay đổi nguyên giá.

6. Trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thì cơ quan được giao quản lý tài sản đó tiếp tục thực hiện quản lý, theo dõi và tính hao mòn tài sản theo quy định tại Thông tư này trong thời gian

cho thuê quyền khai thác.

7. Trường hợp chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thì trong thời gian chuyển nhượng, cơ quan được giao quản lý tài sản (bên chuyển nhượng):

a) Có trách nhiệm theo dõi, giám sát việc thực hiện nghĩa vụ của bên nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

b) Không thực hiện tính hao mòn tài sản theo quy định tại Thông tư này và không thực hiện hạch toán tài sản mà thực hiện theo dõi trên thuyết minh tài chính theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.

c) Khi hết thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (bao gồm cả trường hợp chấm dứt Hợp đồng trước hạn), cơ quan được giao quản lý tài sản tiếp nhận lại tài sản theo Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản và quy định của pháp luật; xác định lại nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản theo quy định tại khoản 7 Điều 6, Điều 12 Thông tư này để thực hiện quản lý, tính hao mòn theo quy định tại Nghị định số ...../2023/NĐ-CP và Thông tư này.

Chương III
NGUYÊN GIÁ, HAO MÒN, GIÁ TRỊ CÒN LẠI CỦA TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 6. Xác định nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là luồng chạy tàu thuyền quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này thì sử dụng giá quy ước do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định theo quy định tại Nghị định số ...../2023/NĐ-CP để xác định giá trị tài sản làm nguyên giá ghi sổ kế toán.

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này đã đưa vào sử dụng trước ngày Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa (sau đây gọi là Nghị định số 45/2018/NĐ-CP) có hiệu lực thi hành thì nguyên giá được xác định như sau:

a) Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã có thông tin về nguyên giá của tài sản thì sử dụng nguyên giá đã có để ghi sổ kế toán.

b) Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán nhưng có hồ sơ xác định giá mua hoặc giá xây dựng và thời điểm đưa tài sản vào sử dụng của tài sản đó thì nguyên giá của tài sản được xác định theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.

c) Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán và không có hồ sơ để xác định giá mua hoặc giá xây dựng theo quy định tại điểm b khoản này nhưng có căn cứ để xác định thời điểm đưa

tài sản vào sử dụng và giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương tại thời điểm đưa vào sử dụng thì nguyên giá của tài sản được xác định theo công thức sau:

Nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa = Giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng

Trong đó:

- Giá mua mới của tài sản cùng loại áp dụng đối với tài sản không phải là nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc là giá của tài sản mới cùng loại được bán trên thị trường tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng.

- Giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương áp dụng đối với tài sản là nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc (bao gồm cả nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc được hình thành thông qua mua sắm) được xác định theo công thức sau:

Giá xây dựng mới của tài sản = Đơn giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương do Bộ quản lý chuyên ngành ban hành (hoặc theo quy định cụ thể của địa phương nơi có tài sản) áp dụng tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng x Diện tích, thể tích xây dựng/ Số lượng... của tài sản + Giá trị của các kết cấu khác gắn với công trình/hạng mục công trình (như: trần, sàn...) xác định theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành (hoặc theo quy định cụ thể của địa phương nơi có tài sản) tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng

d) Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã sử dụng giá quy ước do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định theo quy định tại Nghị định số 45/2018/NĐ-CP để xác định nguyên giá tài sản theo quy định thì tiếp tục kế toán theo nguyên giá đã xác định.[1]

đ) Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa chưa có thông tin về nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản thì sử dụng giá quy ước do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định theo quy định tại Nghị định số ...../2023/NĐ-CP để xác định giá trị tài sản làm nguyên giá ghi sổ kế toán.

3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này hình thành từ mua sắm, đưa vào sử dụng kể từ ngày Nghị định số 45/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì nguyên giá được xác định theo công thức sau:

Nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do mua sắm = (Giá trị ghi trên hóa đơn - Các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hoặc phạt người bán (nếu có)) + Chi phí vận chuyển, bốc dỡ, chi phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, chi phí lắp đặt, chạy thử + Các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được khấu trừ, hoàn lại); các khoản phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí + Chi phí khác (nếu có)

[1] Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP, Bộ trưởng Bộ GTVT quyết định giá quy ước của tài sản (thuộc trung ương và địa phương), làm căn cứ xác định nguyên giá tài sản để ghi sổ kế toán đối với trường hợp tài sản chưa có thông tin về nguyên giá, giá trị còn lại.

Tại dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 45/2018/NĐ-CP có quy định trách nhiệm của Bộ GTVT tiếp tục quyết định giá quy ước của tài sản (cả trung ương và địa phương) (vì thực tế Bộ GTVT hiện mới ban hành cho một số tài sản trung ương) → với quy định này thì đối với các trường hợp tài sản đang sử dụng trước Nghị định số 45/2018/NĐ-CP nhưng chưa áp dụng giá quy ước ban hành theo Nghị định số 45/2018/NĐ-CP thì nay sử dụng giá quy ước ban hành theo Nghị định thay thế Nghị định số 45/2018/NĐ-CP.

Trong đó:

a) Các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hoặc phạt người bán (nếu có) được trừ vào giá trị ghi trên hóa đơn chỉ được áp dụng trong trường hợp giá trị ghi trên hóa đơn bao gồm cả các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hoặc phạt người bán.

b) Chi phí khác (nếu có) là các chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa mà cơ quan đã chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng. Trường hợp phát sinh chi phí chung cho nhiều tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thì thực hiện phân bổ chi phí cho từng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo tiêu chí cho phù hợp (như: Số lượng, khối lượng, chiều dài, giá trị ghi trên hóa đơn của tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phát sinh chi phí chung…).

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này hình thành từ đầu tư xây dựng mới, hoàn thành đưa vào sử dụng kể từ ngày Nghị định số 45/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, nguyên giá được xác định là giá trị quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng. Một số trường hợp đặc biệt được quy định như sau:

a) Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã đưa vào sử dụng (do đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng) nhưng chưa có quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thì cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thực hiện ghi sổ kế toán tài sản kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao đưa tài sản vào sử dụng. Nguyên giá ghi sổ kế toán là nguyên giá tạm tính. Nguyên giá tạm tính trong trường hợp này được lựa chọn theo thứ tự ưu tiên sau:

- Giá trị đề nghị quyết toán.

- Giá trị xác định theo Biên bản nghiệm thu A-B.

- Giá trị tổng mức đầu tư hoặc dự toán dự án được phê duyệt hoặc dự toán dự án được điều chỉnh lần gần nhất (trong trường hợp dự toán dự án được điều chỉnh).

Khi được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán, cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thực hiện điều chỉnh lại nguyên giá tạm tính trên sổ kế toán theo giá trị quyết toán được phê duyệt để điều chỉnh sổ kế toán và thực hiện kế toán tài sản theo quy định.

b) Trường hợp dự án bao gồm nhiều hạng mục, tài sản (nhiều đối tượng ghi sổ kế toán tài sản) khác nhau nhưng không dự toán riêng, quyết toán riêng cho từng hạng mục, tài sản thì thực hiện phân bổ giá trị quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt cho từng hạng mục, tài sản để ghi sổ kế toán theo tiêu chí cho phù hợp (như: Số lượng, khối lượng, chiều dài chi tiết của từng tài sản, hạng mục...).

Trường hợp dự án bao gồm nhiều hạng mục, tài sản (nhiều đối tượng ghi sổ kế toán tài sản) khác nhau, có dự toán riêng nhưng không quyết toán riêng

cho từng hạng mục, tài sản thì thực hiện phân bổ giá trị quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt cho từng hạng mục, tài sản để ghi sổ kế toán theo tiêu chí cho phù hợp (như: Số lượng, khối lượng, chiều dài, giá trị dự toán chi tiết của từng tài sản, hạng mục...).

c) Đối với dự án bao gồm nhiều hạng mục, tài sản (nhiều đối tượng ghi sổ kế toán tài sản) khác nhau mà được đầu tư, nghiệm thu theo từng hạng mục, tài sản thì hạng mục, tài sản nào đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng, nghiệm thu đưa vào sử dụng phải ghi sổ kế toán đối với hạng mục, tài sản đó kể từ ngày bàn giao đưa vào sử dụng.

đ) Trường hợp giá trị quyết toán của dự án phải điều chỉnh theo kiến nghị, kết luận của cơ quan có thẩm quyền sau khi được thanh tra, kiểm toán thì cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phải thực hiện điều chỉnh lại nguyên giá theo kiến nghị, kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

e) Trường hợp trong dự án có nội dung đầu tư vào tài sản khác (không thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quy định tại Điều 4 Thông tư này) thì phải loại trừ phần giá trị đầu tư vào tài sản khác trong giá trị quyết toán của dự án khi xác định nguyên giá tài sản cố định.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này cơ quan được giao quản lý tài sản tiếp nhận theo quyết định giao, quyết định điều chuyển của cơ quan, người có thẩm quyền kể từ ngày Nghị định số ...../2023/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì nguyên giá được xác định theo công thức sau:

Nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được giao, điều chuyển	=	Nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản	+	Chi phí vận chuyển, bốc dỡ, chi phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, chi phí lắp đặt, chạy thử	+	Các khoản phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí	+	Chi phí khác (nếu có)

Trong đó:

a) Nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác định như sau:

a1) Đối với tài sản đã được theo dõi, ghi sổ kế toán, nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản là nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã được theo dõi, ghi sổ kế toán của cơ quan có tài sản giao, điều chuyển.

Trường hợp tài sản chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán thì trước khi trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển tài sản, cơ quan có tài sản có trách nhiệm đánh giá lại giá trị tài sản, thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản. Trong đó:

- Trường hợp tài sản giao, nhận điều chuyển là tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tại cơ quan được giao quản lý tài sản quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư này, chưa được theo dõi trên sổ kế toán thì việc đánh giá lại giá trị tài sản thực hiện theo quy định tại các điểm a.2, a.3 và a.4 khoản này.

- Trường hợp tài sản giao, nhận điều chuyển thuộc trường hợp khác (không phải là tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tại cơ quan được giao

quản lý tài sản quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư này) thì việc đánh giá lại giá trị tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

a2) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán nhưng có hồ sơ xác định giá mua hoặc giá xây dựng và thời điểm đưa tài sản vào sử dụng của tài sản đó thì nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

a3) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán và không có hồ sơ để xác định giá mua hoặc giá xây dựng theo quy định tại điểm a2 khoản này nhưng có căn cứ để xác định thời điểm đưa tài sản vào sử dụng và giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương tại thời điểm đưa vào sử dụng thì nguyên giá để ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác định theo công thức sau:

Nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản	=	Giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng

Trong đó:

- Giá mua mới của tài sản cùng loại áp dụng đối với tài sản không phải là nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc là giá của tài sản mới cùng loại được bán trên thị trường tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng.

- Giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương áp dụng đối với tài sản là nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc (bao gồm cả nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc được hình thành thông qua mua sắm) được xác định theo công thức sau:

Giá xây dựng mới của tài sản	=	Đơn giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương do Bộ quản lý chuyên ngành ban hành (hoặc theo quy định cụ thể của địa phương nơi có tài sản) áp dụng tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng	x	Diện tích, thể tích xây dựng/ Số lượng... của tài sản	+	Giá trị của các kết cấu khác gắn với công trình/hạng mục công trình (như: trần, sàn...) xác định theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành (hoặc theo quy định cụ thể của địa phương nơi có tài sản) tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng

a4) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán mà không có căn cứ để xác định nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại các điểm a1, a2 và a3 khoản này thì sử dụng giá quy ước do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định theo quy định tại Nghị định số ...../2023/NĐ-CP để xác định giá trị tài sản làm nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản.

b) Chi phí khác (nếu có) là các chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được giao, được điều chuyển mà cơ quan tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng. Trường hợp phát sinh chi phí chung cho nhiều tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thì thực hiện phân bổ chi phí cho từng tài sản theo tiêu chí cho phù hợp (như: Diện tích, thể tích xây dựng, số lượng, giá trị tài sản phát sinh chi phí chung…).

6. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa khi thực hiện kiểm kê phát hiện thừa thì tùy theo loại tài sản, nguồn gốc và thời điểm đưa vào sử dụng, nguyên giá của tài sản được xác định tương ứng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này.

7. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này cơ quan, đơn vị tiếp nhận lại tài sản sau khi hết thời gian chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 5 Thông tư này thì nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được xác định lại bằng (=) nguyên giá đã hạch toán tại thời điểm chuyển nhượng theo Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản cộng (+) giá trị đầu tư, nâng cấp, mở rộng theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Các trường hợp thay đổi nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là luồng chạy tàu thuyền quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này thay đổi trong trường hợp có thay đổi về phân loại, cấp kỹ thuật hoặc các yếu tố khác dẫn đến thay đổi việc áp dụng giá quy ước của loại tài sản tương ứng theo giá quy ước do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định theo quy định tại Nghị định số ...../2023/NĐ-CP.

2. Nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này được thay đổi trong các trường hợp sau:

a) Đánh giá lại giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa khi thực hiện kiểm kê theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

b) Thực hiện nâng cấp, mở rộng tài sản cố định theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm cả trường hợp dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt để đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng tài sản khác (không thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quy định tại Điều 4 Thông tư này) nhưng trong dự án có nội dung đầu tư vào tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa).

c) Tháo dỡ một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (trong trường hợp giá trị bộ phận tài sản tháo dỡ đang được hạch toán chung trong nguyên giá tài sản).

d) Lắp đặt thêm một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

đ) Tài sản cố định bị mất một phần hoặc hư hỏng nghiêm trọng do thiên tai, sự cố bất khả kháng hoặc những tác động đột xuất khác (trừ trường hợp tài sản đã được khôi phục lại thông qua bảo hiểm tài sản công).

Điều 8. Xác định nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp thay đổi nguyên giá tài sản

Khi phát sinh việc thay đổi nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong các trường hợp quy định tại Điều 7 Thông tư này, cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thực hiện lập Biên bản ghi rõ lý

do (trường hợp) thay đổi nguyên giá; đồng thời xác định lại chỉ tiêu nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa làm cơ sở xác định mức hao mòn, giá trị còn lại của tài sản để điều chỉnh sổ kế toán và thực hiện việc quản lý, tính hao mòn theo quy định tại Thông tư này.

Việc xác định lại nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đối với các trường hợp thay đổi nguyên giá quy định tại Điều 7 Thông tư này thực hiện như sau:

1. Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này thì nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được xác định lại là giá quy ước do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định theo quy định tại Nghị định số ...../2023/NĐ-CP của tài sản với phân loại, cấp kỹ thuật hoặc các yếu tố khác sau khi thay đổi.

2. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Thông tư này thì nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được xác định lại theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền về kiểm kê, đánh giá lại tài sản.

3. Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư này thì nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được xác định lại bằng (=) nguyên giá đang hạch toán cộng (+) phần giá trị tăng thêm do nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa. Trong đó, phần giá trị tăng thêm do nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là giá trị quyết toán của dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt để đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng tài sản khác (không thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quy định tại Điều 4 Thông tư này) nhưng trong dự án có nội dung đầu tư vào tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa) thì phần giá trị tăng thêm do nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là phần giá trị đầu tư vào tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong giá trị quyết toán của dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

4. Đối với trường hợp tháo dỡ một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 Thông tư này thì nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được xác định lại bằng (=) nguyên giá đang hạch toán trừ (-) phần giá trị của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tháo dỡ cộng (+) chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc tháo dỡ mà cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã chi ra tính đến thời điểm hoàn thành việc tháo dỡ.

Trong đó, phần giá trị của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tháo dỡ được xác định như sau:

a) Trường hợp có hồ sơ xác định giá mua, giá trị quyết toán/ giá trị dự toán của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tháo dỡ thì phần giá trị của bộ phận tài sản tháo dỡ được xác định theo giá mua, giá trị quyết toán/ giá trị dự toán của bộ phận tài sản tháo dỡ.

b) Trường hợp không có hồ sơ quy định tại điểm a khoản này nhưng phân bổ được nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho bộ phận

tài sản tháo dỡ theo tiêu chí phù hợp (như: số lượng, khối lượng, giá mua, dự toán...) thì phần giá trị của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tháo dỡ được xác định theo giá trị phân bổ.

c) Trường hợp không có hồ sơ quy định tại điểm a khoản này và không phân bổ được nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho bộ phận tài sản tháo dỡ thì sử dụng giá quy ước do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định theo quy định tại Nghị định số ...../2023/NĐ-CP để xác định phần giá trị của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tháo dỡ.

Trường hợp giá quy ước do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định theo quy định tại Nghị định số ...../2023/NĐ-CP không bao gồm giá quy ước của bộ phận tài sản tháo dỡ thì xác định phần giá trị của bộ phận tài sản tháo dỡ là giá mua mới của bộ phận tài sản đó trên thị trường tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng.

Trường hợp không xác định được giá mua mới của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tháo dỡ trên thị trường tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng thì cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuê tổ chức có đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá để xác định phần giá trị của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tháo dỡ làm căn cứ xác định nguyên giá tài sản sau khi tháo dỡ.

5. Đối với trường hợp lắp đặt thêm một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 Thông tư này thì nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được xác định lại bằng (=) nguyên giá đang hạch toán cộng (+) phần giá trị tăng thêm do lắp đặt thêm một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (+) chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt mà cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã chi ra tính đến thời điểm hoàn thành việc lắp đặt.

Trong đó, phần giá trị tăng thêm do lắp đặt thêm một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là giá trị tương ứng của bộ phận tài sản được lắp đặt thêm xác định theo các trường hợp quy định tại Điều 6 Thông tư này.

6. Đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 7 Thông tư này thì cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuê tổ chức có đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá để đánh giá lại giá trị còn lại, thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản phù hợp với quy định tại Điều 10 Thông tư này đối với tài sản bị thiệt hại để ghi trên Biên bản xác định việc thay đổi nguyên giá. Nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp này được xác định như sau:

$$\text{Nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa} = \text{Giá trị còn lại của tài sản tại thời điểm xác định} \times \frac{\text{Thời gian tính hao mòn của tài sản theo quy định tại Điều 10 Thông tư này (năm)}}{\text{Thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản (năm)}}$$

Điều 9. Nguyên tắc tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quy định tại Điều 3, Điều 4

Thông tư này được giao cho cơ quan quản lý tài sản phải tính hao mòn theo quy định tại Thông tư này, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa không phải tính hao mòn đối với:

a) Tài sản chưa tính hết hao mòn nhưng đã bị hư hỏng không thể sửa chữa để sử dụng được.

b) Tài sản đã tính đủ hao mòn nhưng vẫn còn sử dụng được.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong thời gian chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác.

d) Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là luồng chạy tàu thuyền quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

đ) Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là hành lang bảo vệ luồng quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

3. Việc tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thực hiện mỗi năm một lần vào tháng 12, trước khi khóa sổ kế toán.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phát sinh trong năm, trường hợp tài sản có thời gian đưa vào sử dụng lớn hơn hoặc bằng 06 (sáu) tháng thì tính tròn 01 (một) năm, trường hợp tài sản có thời gian đưa vào sử dụng dưới 06 (sáu) tháng thì không tính hao mòn trong năm đó.

Điều 10. Danh mục tài sản, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa[2]

1. Danh mục tài sản, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (trừ thời gian tính hao mòn tài sản đối với các trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này) như sau:

STT	Danh mục tài sản	Thời gian tính hao mòn (năm)	Tỷ lệ hao mòn (% năm)
1	Âu tàu	40	2,5
2	Các công trình đưa phương tiện qua đập, thác trên sông, kênh, rạch	25	4
3	Cảng thủy nội địa	25	4
4	Bến thủy nội địa	10	10
5	Khu neo đậu ngoài cảng	10	10
6	Kè, đập giao thông	15	6,67
7	Báo hiệu đường thủy nội địa	10	10
8	Công trình, thiết bị phụ trợ		
	- Nhà trạm quản lý đường thủy nội địa	20	5

[2] Nội dung danh mục tài sản, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn sẽ tổng hợp, hoàn thiện trên cơ sở ý kiến đề xuất của Bộ Giao thông vận tải.

STT	Danh mục tài sản	Thời gian tính hao mòn (năm)	Tỷ lệ hao mòn (% năm)
	- Trạm AIS và hệ thống quản lý, giám sát, truyền dữ liệu kèm theo	10	10
	- Thủy chí hoặc trạm đọc mức nước tự động	10	10
	- Công trình phụ trợ khác	10	10
	- Thiết bị phụ trợ khác gắn với công trình	5	20
9	Các tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa khác	10	10

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có thay đổi nguyên giá thuộc trường hợp thực hiện nâng cấp, mở rộng tài sản cố định theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư này thì thời gian tính hao mòn tài sản bằng (=) thời gian đã sử dụng của tài sản trước khi thay đổi nguyên giá cộng (+) thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản sau khi nâng cấp, mở rộng. Trong đó, thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản sau khi nâng cấp, mở rộng được xác định theo công thức sau:

Thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản sau khi nâng cấp, mở rộng = [Nguyên giá của tài sản sau khi thay đổi - Số hao mòn lũy kế của tài sản tính đến ngày 31 tháng 12 của năm thay đổi nguyên giá] : Mức hao mòn hàng năm của tài sản từ năm thay đổi nguyên giá xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này

3. Đối với tài sản có thay đổi nguyên giá thuộc trường hợp bị mất một phần hoặc hư hỏng nghiêm trọng do thiên tai, sự cố bất khả kháng hoặc những tác động đột xuất khác quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 7 Thông tư này thì thời gian tính hao mòn tài sản bằng (=) thời gian đã sử dụng của tài sản trước khi thay đổi nguyên giá cộng (+) thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản theo đánh giá lại.

4. Đối với tài sản có điều chỉnh, thay đổi nguyên giá theo quy định tại điểm a, điểm d khoản 3 Điều 6 và điểm c, điểm d khoản 2 Điều 7 Thông tư này:

a) Trường hợp năm điều chỉnh, thay đổi nguyên giá chưa hết thời gian tính hao mòn của tài sản theo quy định thì thời gian tính hao mòn của tài sản được tính đến năm mà giá trị còn lại của tài sản tính đến ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề nhỏ hơn hoặc bằng mức hao mòn hàng năm của tài sản.

b) Trường hợp năm điều chỉnh, thay đổi nguyên giá đã hết thời gian tính hao mòn của tài sản theo quy định thì cộng thêm 01 năm vào thời gian tính hao mòn (năm phát sinh việc điều chỉnh, thay đổi nguyên giá) để xử lý phần giá trị tăng, giảm do điều chỉnh, thay đổi nguyên giá.

Điều 11. Phương pháp tính hao mòn của tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Mức hao mòn hàng năm của từng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được tính theo công thức:

Mức hao mòn hàng năm của tài sản	=	Nguyên giá của tài sản	x	Tỷ lệ hao mòn (% năm)

Trong đó:

a) Nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được xác định theo quy định tại Điều 6, Điều 8 Thông tư này.

b) Tỷ lệ hao mòn được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được giao, nhận điều chuyển quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư này nhưng chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán, tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa khi thực hiện kiểm kê phát hiện thừa quy định tại khoản 5 Điều 6 Thông tư này thì mức hao mòn hàng năm của tài sản kể từ sau năm đầu tiên ghi sổ kế toán tại cơ quan được giao quản lý tài sản được xác định theo công thức quy định tại khoản 1 Điều này.

Riêng năm đầu tiên ghi sổ kế toán tại cơ quan được giao quản lý tài sản (năm trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển tài sản/năm kiểm kê phát hiện thừa) thì mức hao mòn của tài sản được xác định theo công thức sau:

Mức hao mòn của năm đầu tiên ghi sổ kế toán	=	Mức hao mòn hàng năm của tài sản xác định theo công thức quy định tại khoản 1 Điều này	x	(Thời gian tính hao mòn của tài sản cùng loại theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này (năm)	-	Thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản theo quy định hoặc thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản theo đánh giá lại (năm))

3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cơ quan được giao quản lý tài sản tiếp nhận lại sau khi hết thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản, mức hao mòn hàng năm của tài sản kể từ sau năm đầu tiên ghi sổ kế toán tại cơ quan được giao quản lý tài sản (sau năm kết thúc thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác) được xác định theo công thức quy định tại khoản 1 Điều này.

Riêng năm đầu tiên ghi sổ kế toán tại đơn vị thì mức hao mòn của tài sản được xác định theo công thức sau:

Mức hao mòn của năm đầu tiên ghi sổ kế toán	=	Mức hao mòn hàng năm của tài sản xác định theo công thức quy định tại khoản 1 Điều này	x	Thời gian đã sử dụng của tài sản

Trong đó, thời gian đã sử dụng của tài sản là số năm tính từ năm đưa tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy vào sử dụng (sau khi thực hiện dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản) đến năm hết thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

4. Số hao mòn lũy kế của từng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được tính theo công thức:

Số hao mòn lũy kế tính đến ngày 31 tháng 12 năm (n)	=	Số hao mòn lũy kế tính đến ngày 31 tháng 12 năm (n-1)	+	Số hao mòn tài sản tăng trong năm (n)	-	Số hao mòn tài sản giảm trong năm (n)

5. Số hao mòn tài sản cho năm cuối cùng của thời gian tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được xác định là hiệu số giữa nguyên giá và số hao mòn lũy kế của tài sản đó xác định theo quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 12. Giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

Giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa để ghi sổ kế toán được xác định theo công thức sau:

Giá trị còn lại của tài sản tính đến ngày 31 tháng 12 năm (n)	=	Nguyên giá của tài sản	-	Số hao mòn lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm (n)

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là luồng chạy tàu thuyền quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này đã thực hiện xác định giá trị để ghi sổ kế toán tài sản theo quy định trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thực hiện điều chỉnh nguyên giá, giá trị hao mòn tài sản (nếu có) đã ghi sổ kế toán theo quy định tại Thông tư này; cụ thể:

a) Điều chỉnh nguyên giá tài sản cố định thành giá quy ước (đối với trường hợp nguyên giá tài sản đã ghi sổ kế toán không phải là giá quy ước do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định theo quy định tại Nghị định số 45/2018/NĐ-CP).

b) Điều chỉnh giảm giá trị hao mòn tài sản (nếu có).

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hiện có trước ngày Nghị định số 45/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành nhưng chưa thực hiện xác định giá trị để ghi sổ kế toán tài sản theo quy định tại Nghị định số 45/2018/NĐ-CP và Thông tư số 75/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì thực hiện xác định giá trị tài sản, tính hao mòn tài sản theo quy định tại Nghị định số ..../2023/NĐ-CP và Thông tư này.

3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có thay đổi nguyên giá trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, đã xác định lại các chỉ tiêu nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản để điều chỉnh sổ kế toán và thực hiện kế toán theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 5 Thông tư số 75/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì tiếp tục căn cứ nguyên giá đã xác định lại và đã thực hiện kế toán để xác định mức hao mòn hàng năm của tài sản cố định từ năm tài chính 2024.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã được theo dõi trên sổ kế toán của cơ quan được giao quản lý tài sản trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, có thời gian để tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này thay đổi so với quy định tại Thông tư số 75/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì từ năm tài chính 2024 thực hiện xác định mức hao mòn hàng năm của tài sản như sau:

$$\text{Mức hao mòn hàng năm của tài sản} = \frac{\text{Giá trị còn lại của tài sản tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo sổ kế toán}}{\text{Thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản (năm)}}$$

Trong đó:

$$\text{Thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản (năm)} = \text{Thời gian tính hao mòn của tài sản cùng loại theo quy định (năm)} - \text{Thời gian đã sử dụng của tài sản (năm)}$$

Thời gian tính hao mòn của tài sản cùng loại được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

Riêng mức hao mòn tài sản cho năm cuối cùng thuộc thời gian để tính hao mòn của tài sản được xác định là hiệu số giữa nguyên giá và số hao mòn luỹ kế của tài sản đó.

Trường hợp tài sản đã hết thời gian tính hao mòn theo quy định, nhưng tài sản vẫn còn giá trị còn lại thì mức hao mòn của năm 2024 bằng giá trị còn lại của tài sản tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Điều 14. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ..... tháng .... năm 2023 và được áp dụng từ năm tài chính 2024.

2. Bãi bỏ chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quy định tại Thông tư số 75/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện việc quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLCS.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Đức Chi